

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Lê;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.*

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên toà: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 213/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2025; giữa:

- *Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ trụ sở: Số 16/2, TPK 11, khu phố H, phường K, thành phố U, tỉnh Bình Dương.*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường K, thành phố U, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 17/9/2024); có mặt.

- *Bị đơn: Công ty TNHH gổ B (tên cũ Công ty TNHH L); địa chỉ trụ sở: Số 03/DDX6-TH, tổ 5, khu phố H, phường V, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1982 – Chức danh: Giám đốc; vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Do mối quan hệ làm ăn quen biết nên vào các ngày 02/10/2023, ngày 05/12/2023 và ngày 06/4/2024, giữa Công ty TNHH M (gọi tắt Công ty M) và Công ty TNHH gỗ B - tên cũ: Công ty TNHH L (gọi tắt Công ty B) thỏa thuận về việc mua bán mặt hàng tấm đan nhựa mắt cáo (RF-T4259S); việc mua bán không ký hợp đồng mà thông qua hình thức đơn đặt hàng trên nền tảng Zalo; theo đó vào các ngày 12/10/2023, ngày 13/12/2023 và ngày 06/4/2024, Công ty M đã giao hàng cho Công ty B với mỗi đơn hàng có số lượng 29 cuộn (tương đương 261m²); việc giao hàng có phiếu xuất kho và có xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) gồm: hóa đơn số 00000051 ngày 16/10/2023, hóa đơn số 00000153 ngày 21/12/2023 và hóa đơn số 00000106 ngày 19/4/2024 với tổng số tiền 187.920.675 đồng. Ngày 06/4/2024, Công ty B đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty M số tiền 62.640.219 đồng và hiện còn nợ 125.280.439 đồng. Điều này được thể hiện tại Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ ngày 01/7/2024 của các bên.

Công ty M đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn lại nhưng không có kết quả nên đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty B có nghĩa thanh toán cho Công ty M các khoản tiền gồm:

1. Tiền nợ gốc 125.280.439 đồng;
2. Tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày xét xử (ngày 16/4/2025) là: 125.280.439 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 15 ngày = 9.878.448 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M là 135.158.887 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH gỗ B (tên cũ Công ty TNHH L) theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện theo pháp luật Công ty TNHH gỗ B không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 108/ĐKKD ngày 14/01/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH gỗ B, mã số doanh

nghiệp 3702949316, đăng ký lần đầu ngày 21/01/2021; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 12/11/2024; địa chỉ trụ sở chính tại: Số 03/DDX6-TH, tổ 5, khu phố H, phường V, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Phạm Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1982 – Chức danh: Giám đốc. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động. Hiện tại, Phòng đăng ký kinh doanh chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty M khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán tiền liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty B có trụ sở hoạt động tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty B thanh toán tổng số tiền là 135.158.887 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 125.280.439 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 9.878.448 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định, vào các ngày 12/10/2023, ngày 13/12/2023 và ngày 06/4/2024, Công ty M đã giao mặt hàng tấm đan nhựa (RF-T4259S) cho Công ty B với mỗi đơn hàng với số lượng 29 cuộn (tương đương 261m²); việc giao nhận hàng đều có phiếu xuất kho và có xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) gồm: hóa đơn số 00000051 ngày 16/10/2023, hóa đơn số 00000153 ngày 21/12/2023 và hóa đơn số 00000106 ngày 19/4/2024 với tổng số tiền 187.920.675 đồng. Ngày 06/4/2024, Công ty B đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty M số tiền 62.640.219 đồng (bút lục 86). Ngày 01/7/2024, giữa hai Công ty đã thống nhất cùng ký Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ quý 2/2024 (bút lục 18). Nội dung văn bản thể hiện: “...*Tính đến ngày 01/7/2024, Công ty TNHH L (bên mua) còn phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 125.280.439 VNĐ ...*”. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn Công ty B (tên cũ Công ty Long Sâm) không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Công ty M số tiền 125.280.439 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 50, 55 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ gốc 125.280.439 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày xét xử (ngày 16/4/2025) là: 125.280.439 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 15 ngày = 9.878.448 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Theo khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán như sau:

“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa ...”.

Theo Điều 306 của Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Tân Uyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch thành phố Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) - Phòng giao dịch thành phố Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là từ 9% - 12%/năm.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ tháng 01/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.878.448 đồng, là có căn cứ chấp nhận

[3] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M với bị đơn Công ty TNHH gổ B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH gổ B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 135.158.887 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng); trong đó tiền nợ gốc là 125.280.439 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 9.878.448 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH gổ B phải chịu số tiền 6.758.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 3.199.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004686 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Lê